

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Ngọc	Hoà	3671030525	28/01/1992	5,00	6,50	6,10	
2	Nguyễn Tuấn	Kiệt	3671030529	22/09/1994	4,00	6,50	5,80	
3	Lương Xuân	Dũng	3671030530	03/08/1993	4,00	8,00	6,80	
4	Nguyễn Hữu	Dụng	3671030533	25/11/1993	5,00	10,00	8,50	
5	Nguyễn Hoàng	Tân	3671030537	09/03/1994	2,00	,00	,60	
6	Nguyễn Minh	Thành	3671030538	19/10/1993	2,00	1,00	1,30	
7	Đặng	Thái	3671030540	15/08/1993	4,00	,00	1,20	
8	Lê Công	Tài	3671030541	24/11/1993	4,00	7,00	6,10	
9	Lê Nhật	Long	3671030543	18/10/1994	3,00	4,00	3,70	
10	Hồ Văn	Đức	3671030544	05/01/1994	6,00	5,00	5,30	
11	Nguyễn Thành	Mẫn	3671030546	26/11/1993	2,00	3,50	3,10	
12	Nguyễn Hữu	Linh	3671030553	10/09/1994	,00	,00	,00	
13	Nguyễn Bá	Nhuận	3671030563	23/03/1994	6,00	4,00	4,60	
14	Chu Minh	Đông	3671030569	19/05/1994	3,00	7,50	6,20	
15	Nguyễn	Lâm	3671030576	02/05/1994	3,00	6,00	5,10	
16	Phạm Văn	Bình	3671030591	23/02/1994	3,00	1,00	1,60	
17	Huỳnh Thanh	Duy	3671030592	28/11/1993	2,00	3,00	2,70	
18	Trương Minh	Cường	3671030593	24/01/1993	3,00	3,50	3,40	
19	Nguyễn Thành	Tùng	3671030596	27/11/1994	5,00	8,50	7,50	
20	Lý Văn	Nguyên	3671030600	20/10/1993	5,00	8,00	7,10	
21	Ngô Sỹ	Hà	3671030605	27/12/1994	6,00	8,50	7,80	
22	Nguyễn Thế	Vũ	3671030607	11/07/1994	4,00	4,00	4,00	
23	Nguyễn Đức	Thiện	3671030618	29/01/1994	2,00	,00	,60	
24	Lê Công	Nhiều	3671030624	20/07/1992	5,00	,00	1,50	
25	Trần Huỳnh	Thái	3671030626	25/11/1994	7,00	7,00	7,00	
26	Dương Ngọc	Thạch	3671030636	14/01/1993	6,00	1,50	2,90	
27	Nguyễn Văn	Tuấn	3671030638	13/12/1994	,00	,00	,00	
28	Bạch Như	Khương	3671030640	18/12/1992	8,00	9,00	8,70	
29	Nguyễn Xuân	Thịnh	3671030648	20/06/1994	7,00	6,00	6,30	
30	Hồ Thanh	Duy	3671030654	09/03/1994	4,00	1,00	1,90	
31	Võ Văn	Quang	3671030662	01/01/1993	3,00	1,50	2,00	
32	Nguyễn Minh	Dũng	3671030672	20/08/1990	5,00	7,50	6,80	
33	Nguyễn Văn	Toàn	3671030677	06/02/1994	6,00	2,00	3,20	
34	Dương Thanh	Xuân	3671030678	1979	4,00	4,00	4,00	
35	Nguyễn Hoàng Đình	Kha	3671030685	10/06/1994	5,00	4,00	4,30	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Ngọc Duy	Tâm	3671030693	28/12/1991	7,00	9,00	8,40	
37	La Thành	Vũ	3671030703	14/04/1994	,00	,00	,00	
38	Trần Phạm Minh	Pha	3671030713	08/12/1994	4,00	4,00	4,00	
39	Lê Quang	Hoàng	3671030717	25/10/1993	3,00	,00	,90	
40	Nguyễn Xuân	Thành	3671030722	03/07/1994	3,00	6,00	5,10	
41	Huỳnh Văn	Tâm	3671030727	17/09/1994	,00	,00	,00	
42	Nguyễn Minh	Quang	3671030729	23/06/1994	6,00	6,50	6,40	
43	Nguyễn Thế	Vĩnh	3671030730	04/03/1994	5,00	7,00	6,40	
44	Đoàn Thanh	Tú	3671030734	16/01/1993	3,00	5,50	4,80	
45	Nguyễn Văn	Phát	3671030735	10/08/1994	2,00	1,50	1,70	
46	Nguyễn Thành	Lộc	3671030739	05/02/1994	7,00	6,00	6,30	
47	Phan Phong	Nhã	3671030752	05/09/1994	4,00	,00	1,20	
48	Võ Văn	Mến	3671030756	06/10/1994	5,00	3,50	4,00	
49	Thọ Quang	Rim	3671030758	15/10/1993	2,00	,50	1,00	
50	Huỳnh Tam	Giang	3671030766	27/08/1994	,00	,00	,00	
51	Trần Văn	Thao	3671030772	06/12/1993	6,00	9,00	8,10	
52	Nguyễn Đức	Toàn	3671030774	07/08/1992	5,00	4,00	4,30	
53	Nguyễn Chương	Thắng	3671030777	18/05/1993	,00	,00	,00	
54	Nguyễn Văn	Cầu	3671030781	11/06/1994	4,00	2,00	2,60	
55	Lê Bá	Cường	3671030784	01/07/1994	5,00	2,50	3,30	
56	Lê Xuân	Hiếu	3671030786	09/02/1992	2,00	6,00	4,80	
57	Nguyễn Công	Duy	3671030788	08/05/1993	,00	,00	,00	CT
58	Nguyễn Ngọc	Tài	3671030789	19/07/1994	2,00	5,00	4,10	
59	Nguyễn Thái	Hòa	3671030798	17/02/1991	2,00	5,50	4,50	
60	Nguyễn Phạm Minh	Tiến	3671030799	23/04/1994	5,00	7,00	6,40	
61	Lương Ngọc	Chí	3671030804	15/01/1994	2,00	,00	,60	
62	Âu Dương	Tuấn	3671030821	12/08/1994	5,00	,00	1,50	
63	Trần Hoàng Trí	Cường	3671030823	01/12/1994	9,00	7,50	8,00	
64	Nguyễn Ngọc	Hiếu	3671030861	12/10/1993	1,00	,00	,30	
65	Hồ Đoàn Quốc	Huy	3671030866	26/04/1994	3,00	4,50	4,10	
66	Lý Chánh	Tín	3671030868	26/03/1994	6,00	4,00	4,60	
67	Trần Văn	Thịnh	3671030870	25/01/1994	3,00	,00	,90	
68	Ngô Văn	Trung	3671030873	07/11/1994	4,00	6,00	5,40	
69	Lê Hữu	Tâm	3671030875	24/02/1994	4,00	7,50	6,50	
70	Thập Văn	Tuyền	3671030876	20/03/1992	5,00	,00	1,50	
71	Nguyễn Vĩnh	Phương	3671030879	20/01/1993	2,00	2,50	2,40	
72	Phạm Trần Thành	Nam	3671030882	30/09/1994	3,00	1,50	2,00	
73	Nguyễn Văn	Ngoan	3671030887	17/04/1994	2,00	6,00	4,80	
74	Ngô Bảo	Toàn	3671030893	28/05/1991	7,00	1,00	2,80	
75	Võ Minh	Hoàng	3671030896	02/09/1994	4,00	8,00	6,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Lê Anh	Dũng	3671030899	09/09/1994	2,00	4,00	3,40	
77	Nguyễn Anh	Đức	3671030902	14/10/1994	3,00	6,00	5,10	
78	Trương Cao	Minh	3671031603	11/12/1994	,00	,00	,00	
79	Nguyễn Thanh	Phong	3671031870	07/01/1994	6,00	,00	1,80	
80	Lê Duy	Phuong	3671031952	12/09/1994	,00	,00	,00	
81	Nguyễn Thanh Khải	Hoàng	3671032008	26/02/1994	8,00	5,50	6,30	
82	Lê Văn	Cao	3671032036	04/04/1993	5,00	8,50	7,50	
83	Nguyễn Văn	Hoàng	3671032049	18/05/1994	3,00	5,50	4,80	
84	Nguyễn Đức	Tĩnh	3671032050	29/07/1994	4,00	4,50	4,40	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)